

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên Gói Cung cấp: Gói 29/VCHP/2026: Vận chuyển than bằng đường thủy từ Quảng Ninh đến Hải Phòng

Phát hành ngày: 25 /05/2026

Bên Yêu cầu Báo Giá

Giám đốc



Phạm Minh

Định nghĩa/Viết tắt

Công ty: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than - Vinacomin

NCC: Nhà Cung cấp

YCBG: Yêu Cầu Báo Giá

YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Phạm vi Gói Cung cấp

1.1 Công ty mời NCC tham gia báo giá cho Gói Cung cấp nêu tại Mục 1.2 dưới đây, theo các yêu cầu và điều khoản nêu tại Yêu cầu Báo Giá này.

1.2 Phạm vi Gói Cung cấp:

(a) Nội dung công việc: Vận chuyển than bằng đường thủy từ vùng neo chuyển tải Con Ong, Quảng Ninh đến một cảng khu vực Bạch Đằng, Hải Phòng.

(b) Hàng hoá vận chuyển: Các loại than (hàng rời).

(c) Khối lượng than vận chuyển: 90.000 tấn +/- 10% (lựa chọn của Công ty).
Hàng được vận chuyển thành nhiều đợt (tương ứng với mỗi tàu mẹ), mỗi đợt được vận chuyển thành nhiều chuyến.

(d) Tuyến vận chuyển:

- Cảng xếp hàng (đồng thời là địa điểm dỡ hàng từ tàu mẹ xuống phương tiện vận tải thủy nội địa): Vùng neo chuyển tải Con Ong, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Việc xếp hàng lên phương tiện vận tải thủy nội địa cũng đồng thời chính là việc dỡ hàng từ tàu mẹ xuống phương tiện vận tải thủy nội địa.

- Cảng dỡ hàng: Một cảng khu vực Bạch Đằng, Hải Phòng.

(e) Thời gian thực hiện: Dự kiến từ tháng 5/2026 đến hết tháng 12/2026.

1.3 Yêu cầu kỹ thuật:

(a) Phương tiện vận chuyển: Tàu pha sông biển, tàu sông, đoàn sà lan - tàu đẩy (tàu đẩy và các sà lan boong nổi không tự hành), và các loại phương tiện vận tải thủy nội địa phù hợp - sau đây gọi chung là “tàu”.

- Tàu vận chuyển phải có đủ điều kiện vận chuyển than theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng phương pháp giám định mớn nước tàu, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại cảng xếp hàng và cảng dỡ hàng, được các công ty bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm.

- Tàu vận chuyển phải có hầm hàng, nắp hầm hàng và/hoặc bạt che hầm hàng, bảo đảm an toàn cho hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển. Bạt che hầm hàng phải là loại chống thấm nước. Nắp hầm hàng và/hoặc bạt che hầm hàng phải là loại mà đơn vị giám định hàng hóa niêm phong hầm hàng được.

- Tàu vận chuyển phải có đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý theo quy định

của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn giấy đăng ký, đăng kiểm và các giấy tờ khác theo quy định của Nhà nước, và hiệu lực của các giấy tờ, hồ sơ pháp lý này phải có giá trị ít nhất đến ngày hoàn thành việc dỡ hàng tại cảng dỡ hàng; tàu vận chuyển phải được mua các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, thời hạn các loại bảo hiểm phải còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm hoàn thành việc dỡ hàng tại cảng dỡ hàng.

- Tàu phải được lắp đặt các thiết bị GPS và camera giám sát tại các vị trí cố định trên tàu, được kết nối internet, có thể hoạt động bình thường và truyền dữ liệu liên tục 24/24 giờ kể cả trong điều kiện thời tiết mưa, bão, ban đêm... tại tất cả các vị trí trong suốt quá trình xếp, dỡ và vận chuyển than.

Camera phải soi chiếu rõ ràng, đầy đủ được toàn bộ hình ảnh các hầm/khoang/sà lan chứa hàng (kể cả vào ban đêm), có khả năng lưu trữ dữ liệu liên tục tối thiểu 30 ngày (kể từ thời điểm lưu dữ liệu).

Khi cần thiết, NCC cung cấp quyền truy cập camera/GPS cho Công ty để kiểm tra và giám sát.

Trường hợp thiết bị GPS, camera bị hỏng/ngừng hoạt động trong khoảng thời gian từ lúc bắt đầu rót hàng đến lúc dỡ hàng xong hoặc không bảo đảm điều kiện để Công ty kiểm tra và giám sát, thì NCC phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng hoặc thay đổi các thông số chất lượng, khối lượng than.

Công ty sẽ thực hiện kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị GPS, camera giám sát trước khi bắt đầu xếp hàng lên tàu, và chỉ tổ chức xếp hàng cho các tàu có thiết bị GPS, camera giám sát đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên.

- NCC phải, bằng chi phí của mình, tự khảo sát (bao gồm cả khảo sát hiện trường, thực địa nếu thấy cần thiết), nghiên cứu, thu thập các thông tin cần thiết về các thông số kỹ thuật, điều kiện, yêu cầu, giới hạn tại cảng xếp hàng và cảng dỡ hàng cũng như các yếu tố khác liên quan đến lộ trình của tàu hoặc có thể ảnh hưởng đến việc thu xếp, điều động, bố trí tàu như điều kiện thời tiết tại từng khu vực trong từng giai đoạn để bố trí tàu vận chuyển phù hợp, bảo đảm thực hiện phạm vi cung cấp của gói thầu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với NCC phát sinh từ việc khảo sát hiện trường, thực địa như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác. NCC chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường cho Công ty toàn bộ tổn thất xảy ra đối với hàng hóa trên tàu và/hoặc các chi phí phát sinh do hậu quả của việc bố trí tàu vận chuyển không phù hợp.

- (b) Xác định khối lượng hàng hóa: Khối lượng than xếp lên tàu tại cảng xếp hàng sẽ được xác định bằng phương pháp giám định món nước tàu vận chuyên, được thực hiện và cấp chứng thư bởi Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomín (Quacontrol) hoặc một đơn vị giám định độc lập do Công ty chỉ định. Khối lượng than dỡ khỏi tàu tại cảng dỡ hàng sẽ được xác định bằng cân ô tô điện tử (sau đây gọi tắt là “cân”), và được thực hiện bởi đơn vị tiếp nhận than của và đại diện cho Công ty (NCC có thể cử đại diện phối hợp). Nếu cân bị sự cố thì giao nhận theo phương pháp đo món nước tàu. Trường hợp khối lượng hàng dỡ khỏi tàu tại cảng dỡ hàng được xác định bằng phương pháp đo món nước tàu thì sẽ được thực hiện và cấp chứng thư bởi một đơn vị giám định độc lập do Công ty chỉ định.
- (c) Xác định chất lượng hàng hóa: Việc giám định chất lượng than, bao gồm độ ẩm của than, tại cảng xếp hàng và cảng dỡ hàng được thực hiện và cấp chứng thư bởi Quacontrol hoặc một đơn vị giám định độc lập do Công ty chỉ định.

Sau khi than đã được xếp lên tàu tại cảng xếp hàng và chuyển hàng đã được cấp đầy đủ chứng thư giám định theo quy định, Công ty bàn giao chuyển hàng này cho NCC để vận chuyển đến cảng dỡ hàng. NCC phải cam kết bảo đảm chất lượng hàng hóa cho đến khi kết thúc dỡ hàng tại cảng dỡ hàng. Trường hợp hàng hoá bị giảm phẩm cấp, giảm chất lượng thì NCC phải bồi thường cho Công ty toàn bộ giá trị chênh lệch giá than do giảm phẩm cấp, giảm chất lượng, theo mức giá than mà Công ty mua của người bán tại thời điểm xảy ra tổn thất, và toàn bộ các chi phí, thiệt hại phát sinh.

(d) Hao hụt:

- Tỷ lệ hao hụt cho phép (tỷ lệ hao hụt mức trần): Trong trường hợp khối lượng hàng hóa giao nhận tại cảng dỡ hàng của một chuyến hàng được xác định bằng cân, tỷ lệ hao hụt cho phép áp dụng cho mỗi chuyến than nhập khẩu trên một tàu mẹ là:

TT	Công đoạn	Đơn vị tính	Tỷ lệ hao hụt cho phép
1	Vận chuyển than từ cảng xếp hàng đến cảng dỡ hàng	%	0,050
2	Bốc dỡ than từ tàu tại cảng dỡ hàng lên bờ cảng, qua cân nhập kho	%	0,260
Tổng		%	0,310

Căn cứ để tính khối lượng hao hụt đối với mỗi chuyến than nhập khẩu trên một tàu mẹ là tổng khối lượng hàng xếp lên các tàu vận chuyển nội địa tại cảng xếp hàng (căn cứ chứng thư giám định khối lượng tại cảng xếp hàng) và tổng khối lượng hàng dỡ khỏi các tàu đó tại cảng dỡ hàng (căn cứ biên bản cân hàng hoặc chứng thư giám định khối lượng tại cảng dỡ hàng, tùy theo phương pháp giám định khối lượng nào được áp dụng).

Tổng tỷ lệ hao hụt quy định trong bảng trên đây là tỷ lệ hao hụt khối lượng tối đa trong toàn bộ quá trình vận chuyển và dỡ hàng mà NCC không phải bồi thường cho Công ty.

Đối với các trường hợp khác, nếu phát sinh, tỷ lệ hao hụt cho phép sẽ được áp dụng theo các quy định của TKV tại thời điểm phát sinh sự việc.

Tổng tỷ lệ hao hụt cho phép trên đây có thể được thay đổi hoặc điều chỉnh trực tiếp hoặc theo sự thay đổi, điều chỉnh tỷ lệ hao hụt cho phép đối với từng công đoạn căn cứ các văn bản của TKV điều chỉnh tỷ lệ hao hụt mức trần hoặc các nội dung liên quan mà TKV ký với các đơn vị vận chuyển thông qua đấu thầu hoặc báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước tại từng thời điểm trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Cách tính khối lượng hao hụt và khối lượng hao hụt vượt quá mức trần quy định theo các quy định, hướng dẫn hiện hành của TKV.

- Trường hợp hàng hoá bị hao hụt vượt quá mức trần quy định trên đây thì NCC phải bồi thường cho Công ty toàn bộ giá trị khối lượng than hao hụt vượt quá tỷ lệ cho phép theo giá than mua đầu nguồn cộng các chi phí phát sinh liên quan.

(e) Tốc độ xếp/dỡ hàng, phạt dôi nhật tại cảng xếp hàng và cảng dỡ hàng:

Xếp hàng: Theo hợp đồng mua bán than nhập khẩu giữa Công ty và đối tác bán than.

Dỡ hàng: Không áp dụng.

(f) Thanh toán:

- Khối lượng tính cước vận chuyển: Là khối lượng than thực tế xếp lên tàu theo chứng thư giám định tại cảng xếp hàng trừ (-) đi khối lượng hao hụt vượt quá khối lượng tương ứng với tỷ lệ hao hụt mức trần quy định tại Điều d nói trên (nếu có).

Công thức xác định khối lượng tính cước (K_{tc}): $K_{tc} = K_{cr} - K_{vượt}$

Trong đó:

+ K_{cr} : Khối lượng than thực tế xếp lên tàu theo chứng thư giám định tại cảng xếp hàng.

+ $K_{vượt}$: Khối lượng hao hụt vượt quá mức trần quy định.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày Công ty nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ của NCC.

- (g) Bồi thường: Ngoài các nội dung về bồi thường đã được quy định tại điểm a, điểm c và điểm d nói trên, NCC phải bồi thường cho Công ty toàn bộ giá trị hàng hóa bị tổn thất do sai sót của thành viên thủy thủ đoàn trong quá trình điều khiển, vận hành tàu, lỗi kỹ thuật của tàu, NCC vi phạm Bộ luật hàng hải Việt Nam hoặc Luật giao thông đường thủy nội địa như: sử dụng tàu không đảm bảo điều kiện an toàn, chở hàng quá tải, hoặc làm mất/hư hỏng kẹp chì niêm phong hầm hàng dẫn đến tổn thất than, v.v.

1.4 Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện theo quy định dưới đây:

- (a) Nguyên tắc điều chỉnh đơn giá: Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu giá nhiên liệu điêzen 0,05S-II (DO 0.05S-II) do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) công bố áp dụng cho vùng 1 (sau đây gọi là “Giá nhiên liệu”) tăng hoặc giảm từ 10% trở lên, đơn giá cước vận chuyển sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng.

- (b) Cách tính điều chỉnh đơn giá:

- Giá nhiên liệu ban đầu: Được xác định là giá nhiên liệu ngày gần nhất trước thời điểm đóng thầu.

- Giá nhiên liệu cơ sở: Là

+ Giá nhiên liệu ban đầu được quy định trên đây, đối với trường hợp chưa điều chỉnh đơn giá vận chuyển lần nào; hoặc

+ Giá nhiên liệu được áp dụng cho kỳ điều chỉnh đơn giá vận chuyển liền trước, đối với trường hợp đã có sự điều chỉnh đơn giá vận chuyển.

- Khi giá nhiên liệu tăng hoặc giảm từ 10% trở lên so với giá nhiên liệu cơ sở thì giá nhiên liệu tăng/giảm từ 10% trở lên đó được xác định là giá nhiên liệu áp dụng cho kỳ điều chỉnh đơn giá vận chuyển tương ứng. Khi đó, tỷ lệ điều chỉnh tăng/giảm giá nhiên liệu được xác định như sau:

+ Mức tăng/giảm giá nhiên liệu = Giá nhiên liệu áp dụng cho kỳ điều chỉnh đơn giá vận chuyển tương ứng trừ (-) giá nhiên liệu cơ sở.

+ Tỷ lệ điều chỉnh tăng/giảm giá nhiên liệu = Mức tăng/giảm giá nhiên liệu chia (:) Giá nhiên liệu cơ sở.

Tỷ lệ điều chỉnh tăng/giảm giá nhiên liệu được làm tròn số đến bốn chữ số thập phân.

- Tỷ trọng chi phí nhiên liệu điêzen 0,05S-II chiếm trong đơn giá vận chuyển: 15%.

- Tỷ lệ điều chỉnh đơn giá vận chuyển:

Tỷ lệ điều chỉnh đơn giá vận chuyển = Tỷ lệ điều chỉnh tăng/giảm giá nhiên liệu nhân (x) tỷ trọng chi phí nhiên liệu điêzen 0,05S-II chiếm trong đơn giá vận chuyển.

Tỷ lệ điều chỉnh đơn giá vận chuyển được làm tròn số đến bốn chữ số thập phân.

- Đơn giá vận chuyển điều chỉnh:

Đơn giá vận chuyển điều chỉnh = Đơn giá vận chuyển đang áp dụng x (1 + tỷ lệ điều chỉnh đơn giá vận chuyển).

Đơn giá vận chuyển điều chỉnh được làm tròn số đến hàng đơn vị.

(c) Áp dụng đơn giá vận chuyển điều chỉnh:

- Việc điều chỉnh đơn giá vận chuyển chỉ được thực hiện trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

- Thời điểm áp dụng đơn giá vận chuyển điều chỉnh: Từ 0 giờ ngày liền kề ngay sau ngày giá nhiên liệu thay đổi tới mức độ phải điều chỉnh đơn giá vận chuyển.

- Căn cứ áp dụng đơn giá vận chuyển điều chỉnh: Đối với một chuyến hàng than nhập khẩu trên một tàu mẹ, sau khi than bắt đầu được dỡ từ tàu mẹ xuống tàu vận chuyển, căn cứ áp dụng đơn giá vận chuyển điều chỉnh tính theo thời gian ghi trên phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Công ty phát hành tại cảng xếp hàng cho chuyến vận chuyển đầu tiên của than dỡ từ tàu mẹ đó.

2. Tư cách hợp lệ của NCC

2.1 NCC là tổ chức có tư cách hợp lệ nếu:

- (a) Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà NCC đang hoạt động cấp;
- (b) Hạch toán tài chính độc lập;
- (c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
- (d) Không có tên trong danh sách Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình Công ty lựa chọn Nhà cung cấp;
- (e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

(f) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu.

2.2 NCC là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ nếu:

- (a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- (b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- (c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
- (d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người/Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.3 NCC là cá nhân có tư cách hợp lệ nếu:

- (a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;
- (b) Có trình độ hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;
- (c) Không có tên trong danh sách Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình Công ty lựa chọn Nhà cung cấp; và
- (d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Bản Báo Giá, giá chào và biểu giá

3.1 NCC sẽ nộp Bản Báo Giá, đính kèm biểu giá cụ thể.

3.2 Giá ghi trong Bản Báo Giá phải bao gồm tất cả mọi chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện và hoàn thành Gói Cung cấp theo yêu cầu của Công ty tại Yêu cầu Báo Giá này, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác, và phải được chào bằng đồng tiền Việt Nam. Bản Báo Giá có ghi giá chào không phù hợp với quy định tại Mục 3.2 này sẽ được coi là không hợp lệ.

3.3 Nếu NCC đề xuất giảm giá, đề xuất đó có thể được lập thành một thư riêng, hoặc được ghi trong Bản Báo Giá, và phải được gửi tới Công ty trước thời điểm đóng thầu. Trong đề xuất giảm giá, NCC cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

4. Bản Báo Giá và tài liệu đính kèm

4.1 Bản Báo Giá phải được lập theo mẫu đính kèm Yêu cầu Báo Giá này.

4.2 Các tài liệu sau đây phải được gửi kèm và tạo thành bộ phận của Bản Báo Giá:

- (1) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp

tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với NCC là hộ kinh doanh;

(2) Văn bản cam kết đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 7.2.

5. Hiệu lực của Bản Báo Giá

Bản Báo Giá phải có hiệu lực trong tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Bản Báo Giá

6.1 NCC sẽ nộp Bản Báo Giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ:

Phòng Kế hoạch điều hành sản xuất

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

47, Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội

không muộn hơn **10 giờ 00** ngày **01** tháng **6** năm **2026** (thời điểm đóng thầu).

Các Bản Báo Giá mà Công ty nhận được sau khi hết thời hạn nêu trên sẽ không được xem xét.

Trường hợp Bản Báo Giá được gửi qua đường bưu điện, Công ty không chịu trách nhiệm về thời điểm nhận được Bản Báo Giá hoặc việc không nhận được Bản Báo Giá.

6.2 Công ty mở công khai các Bản Báo Giá của các NCC vào lúc **10 giờ 45** ngày **01** tháng **6** năm **2026** tại trụ sở Công ty, địa chỉ: 47, Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội. NCC có quyền tham dự buổi mở Bản Báo Giá. Tuy nhiên ngay cả khi NCC không có mặt tại buổi mở Bản Báo Giá, việc mở các Bản Báo Giá vẫn được tiến hành.

6.3 Công ty sẽ lập biên bản mở Bản Báo Giá trong đó bao gồm các thông tin: Tên NCC; giá Gói Cung Cấp được đề xuất bởi NCC; giá trị giảm giá (nếu có); hiệu lực của Bản Báo Giá; thời gian thực hiện hợp đồng; và các thông tin khác mà Công ty thấy cần thiết. Biên bản mở Bản Báo Giá sẽ được gửi cho tất cả các NCC tham dự thầu.

6.4 Công ty sẽ tiến hành đánh giá các Bản Báo Giá để lựa chọn NCC phù hợp. Công ty có thể mời NCC có giá chào thấp nhất thương thảo hợp đồng.

7. Tiêu chuẩn đánh giá Bản Báo Giá

7.1 Đánh giá tính hợp lệ của Bản Báo Giá:

Bản Báo Giá của NCC được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

(1) Có đầy đủ thành phần của Bản Báo Giá theo yêu cầu tại Mục 4 YCBG.

- (2) Bản Báo Giá và biểu giá kèm theo được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu (nếu có);
- (3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong Bản Báo Giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong YCBG;
- (4) Giá chào ghi trong Bản Báo Giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ. Không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Công ty;
- (5) Thời gian có hiệu lực của Bản Báo Giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 5 YCBG;
- (6) NCC có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 YCBG.

NCC có báo giá hợp lệ được xem xét, đánh giá ở bước tiếp theo.

7.2 Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt. Bản Báo Giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Phương tiện vận chuyển	NCC cam kết phương tiện vận chuyển đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Điểm a Mục 1.3.	NCC không cam kết phương tiện vận chuyển đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Điểm a Mục 1.3.
2	Hao hụt	NCC cam kết chấp nhận tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép quy định tại Điểm d Mục 1.3, hoặc đề xuất tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép thấp hơn mức quy định tại Điểm d Mục 1.3.	NCC không cam kết chấp nhận tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép quy định tại Điểm d Mục 1.3, hoặc đề xuất tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép cao hơn mức quy định tại Điểm d Mục 1.3.
3	Tốc độ xếp, dỡ hàng, phạt dôi nhật xếp, dỡ hàng	NCC cam kết chấp nhận tốc độ xếp, dỡ hàng, phạt dôi nhật xếp, dỡ hàng quy định tại Điểm e Mục 1.3.	NCC không cam kết chấp nhận tốc độ xếp, dỡ hàng, phạt dôi nhật xếp, dỡ hàng quy định tại Điểm e Mục 1.3, hoặc đặt điều kiện, đề xuất

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
			khác với quy định tại Điểm e Mục 1.3.
4	Bồi thường	NCC cam kết bồi thường khi xảy ra trường hợp hàng hoá bị (i) giảm phẩm cấp, giảm chất lượng như yêu cầu quy định tại Điểm c Mục 1.3; và/hoặc (ii) hao hụt vượt quá mức trần như yêu cầu quy định tại Điểm d Mục 1.3; và/hoặc (iii) tổn thất và/hoặc làm phát sinh chi phí theo quy định tại điểm g Mục 1.3.	NCC không cam kết bồi thường khi xảy ra trường hợp hàng hoá bị (i) giảm phẩm cấp, giảm chất lượng như yêu cầu quy định tại Điểm c Mục 1.3; và/hoặc (ii) hao hụt vượt quá mức trần như yêu cầu quy định tại Điểm d Mục 1.3; và/hoặc (iii) tổn thất và/hoặc làm phát sinh chi phí theo quy định tại điểm g Mục 1.3.
5	Điều chỉnh đơn giá	NCC cam kết chấp nhận việc điều chỉnh đơn giá theo quy định tại Mục 1.4.	NCC không cam kết chấp nhận điều chỉnh đơn giá, hoặc đề xuất điều chỉnh đơn giá khác với quy định tại Mục 1.4.

Ghi chú:

Việc NCC không đề cập đến một hoặc một số nội dung trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật trên đây trong Bản Báo Giá được coi là NCC không cam kết, không chấp nhận theo yêu cầu của YCBG đối với (những) nội dung đấy.

NCC được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được chuyển sang đánh giá về giá.

7.3 Tiêu chuẩn đánh giá về giá:

Đánh giá theo phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1)).

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2)).

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng NCC.

Bản Báo Giá có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện Bản Báo Giá đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, NCC phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Công ty thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Công ty cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá NCC chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;
- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;
- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Bản Báo Giá của NCC có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Bản Báo Giá của NCC có sai lệch không có đơn giá thì lấy đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Bản Báo Giá của NCC khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Bản Báo Giá của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của Gói Cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một NCC duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Bản Báo Giá của NCC này; trường hợp Bản Báo Giá của NCC không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán của Gói Cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp NCC chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu thì Công ty phải cộng các chi phí đó vào giá chào. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.

c) Trường hợp NCC có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong Bản Báo Giá.

8. Điều kiện xét duyệt NCC được lựa chọn

NCC được xem xét, đề nghị trúng thầu nếu (i) có tư cách hợp lệ, (ii) có Bản Báo Giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Yêu cầu Báo Giá, và (iii) có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất và không vượt dự toán Gói Cung cấp đã được phê duyệt.

9. Thông báo kết quả lựa chọn NCC

Kết quả lựa chọn NCC sẽ được đăng tải lên website của Công ty.

10. Giải quyết kiến nghị của NCC

10.1 NCC có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn NCC và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia báo giá khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

10.2 Địa chỉ nhận thư kiến nghị:

Trần Tuấn Ngọc

Trưởng Phòng

Phòng Kế hoạch điều hành sản xuất

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

47, Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội

BẢN BÁO GIÁ⁽¹⁾

Ngày: ___[ghi ngày tháng năm ký đơn chào giá]
Tên gói cung cấp: ___[ghi tên gói cung cấp theo yêu cầu báo giá]
Yêu cầu báo giá số: ___[ghi số trích yếu của yêu cầu báo giá, nếu có] ngày
___[ghi ngày phát hành yêu cầu báo giá]

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___[ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói cung cấp ___[ghi tên gói cung cấp] theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá với giá chào (tổng số tiền) là ___[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền chào giá]⁽²⁾ cùng với Biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ___[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với NCC là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp NCC là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Những thông tin kê khai trong Bản Báo Giá là trung thực;
8. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

Bản báo giá này có hiệu lực trong thời gian ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁵⁾

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Bản báo giá phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của bản báo giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu.

(2) Giá chào ghi trong bản báo giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên yêu cầu báo giá.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 Yêu cầu báo giá. Thời gian có hiệu lực của bản báo giá được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong yêu cầu báo giá. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 6.1 Yêu cầu báo giá.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền cho cấp dưới ký Bản Báo giá và biểu giá kèm theo thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 đính kèm; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký hồ sơ dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực/công chứng các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền).

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*], bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] do ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Ký bản báo giá và biểu giá kèm theo;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản giải trình, làm rõ Bản báo giá;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*]. ____ [*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với Bản báo giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

BIỂU GIÁ

TT	Nội dung công việc	Khối lượng mời chào hàng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Vận chuyển than bằng đường thủy từ vùng neo chuyển tải Con Ong, Quảng Ninh đến một cảng khu vực Bạch Đằng, Hải Phòng	90.000	Tấn		A
Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)					B=20%xA
Tổng hợp giá chào (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) <i>(kết chuyển sang bản báo giá)</i>					A+B

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú:

Cột (5): NCC điền đơn giá. Đơn giá NCC chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Cột (6): Thành tiền = Đơn giá (cột 5) x Khối lượng mời chào hàng (cột 3). NCC tính và điền thông tin.

Chi phí dự phòng (B) sẽ không được xem xét, đánh giá để so sánh, xếp hạng NCC.

Giá trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm chi phí dự phòng (B).